

Số: /2019/QĐ-UBND
(dự thảo)

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh
Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính) áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2019. Quyết định này thay thế Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc áp dụng một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, PVPTN, CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Nhường

QUY ĐỊNH

Một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)

I. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

II. Mức chi cụ thể

1. Mức chi:

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	nhiệm vụ	2.000	
1.2	Lập dự án	dự án	3.000 - 5.000	Tùy theo mức độ phức tạp của dự án
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký	người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	Trường hợp không thành lập Hội đồng

4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ: - Nhiệm vụ - Dự án	Báo cáo	5.000 10.000-15.000	<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ</i>
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có) Chủ tịch Hội đồng Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) Ủy viên, thư ký hội đồng Đại biểu được mời tham dự Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Người/buổi Người/buổi Người/buổi Người/buổi Bài viết	700 600 300 150 500	

	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có) Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	300	
		Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có) Người chủ trì Thư ký hội thảo Đại biểu được mời tham dự Báo cáo tham luận	người/buổi hội thảo	500 300 150 350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ: Chủ tịch hội đồng Thành viên, thư ký	người/buổi	400 200	
8.2	Nghiệm thu dự án: Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thư ký hội đồng Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có) Đại biểu được mời tham dự	người/buổi bài viết bài viết	700 400 500 400 150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ			

	công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	<i>Lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường phải có sự cho phép hoặc thống nhất của cơ quan có thẩm quyền</i>
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	

2. Một số mức chi khác thực hiện theo quy định tại các văn bản sau:

a) Chi công tác phí và tổ chức các hội nghị, tập huấn theo quy định tại Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

b) Chi xây dựng cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các văn bản quy định về định mức, đơn giá khác được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Chi quan trắc môi trường và phân tích mẫu theo định mức, đơn giá tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Bộ đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

d) Chi truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường theo Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính-Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

đ) Chi làm thêm giờ theo Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

e) Mức chi hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích; Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Nường